

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC  
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IVCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 170/TB-KV IV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 1 năm 2022

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN****TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

Thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-KTNN ngày 26/8/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và Báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ kiểm toán nhà nước thuộc Đoàn Kiểm toán nhà nước (KTNN) của KTNN khu vực IV đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định từ ngày 01/10/2022 đến ngày 10/10/2022.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, KTNN khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã ký với đơn vị. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị như sau:

**1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

**1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính:** Chi tiết tại Phụ lục số 05/HSKT-KTNN.

**1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

**Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán:** Lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; thực hiện kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Tổ Kiểm toán nhà nước:** Đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính của đơn vị dựa trên kết quả kiểm toán.

**Ý kiến của Đoàn kiểm toán nhà nước:** Theo ý kiến của Tổ KTNN, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các yếu tố đã nêu trong mục phạm vi và giới hạn kiểm toán, các sai sót do KTNN phát hiện được nêu tại thông báo này, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của đơn vị lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với

chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý và quản lý sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước**

Nhìn chung, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định cơ bản chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế sau:

(1) Về quản lý công nợ: Thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, phải trả cuối năm chưa đầy đủ (tỷ lệ đối chiếu nợ phải thu khách hàng 30,8%, phải trả người bán 60,4%); đơn vị còn nợ phải thu khó đòi phải trích lập dự phòng, số trích lập dự phòng trên tổng số nợ phải thu khó đòi là 3.141 triệu đồng/3.302 triệu đồng.

(2) Về quản lý chi phí: Hạch toán giá vốn kinh doanh nước sạch không tương ứng với doanh thu ghi nhận khi lập báo cáo tài chính kết thúc niên độ kế toán, chưa thực hiện đúng nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 1. Cụ thể: Đơn vị hạch toán doanh thu tiêu thụ nước tháng 12/2021 đối với các khách hàng đã ghi chỉ số đồng hồ nước từ ngày 20/11/2021 đến ngày 20/12/2021 (kỳ 12). Đối với những khách hàng đã tiêu thụ nước thực tế từ ngày 20/11/2021 đến ngày 20/12/2021, nhưng ghi chỉ số đồng hồ nước sau ngày 20/12/2021 sẽ được hạch toán doanh thu tương ứng trong tháng 1/2022. Tuy nhiên, giá thành tương ứng với sản lượng nước đã tiêu thụ nước thực tế từ ngày 20/11/2021 đến ngày 20/12/2022 đã được đơn vị hạch toán toàn bộ vào giá vốn của tháng 12/2021. Kiểm toán nhà nước phân bổ lại giá vốn tương ứng với doanh thu đã ghi nhận đến 31/12/2021 tại đơn vị, dẫn đến giảm giá vốn kinh doanh nước sạch lũy kế qua các năm 8.703 triệu đồng (Trong đó: điều chỉnh giá vốn tăng năm 2021 là 3.684 triệu đồng, điều chỉnh giảm giá vốn lũy kế những năm 2020 trở về trước là 12.387 triệu đồng) (*Chi tiết tại Phụ lục 06/HSKT-KTNN*).

Tại thời điểm kiểm toán, đơn vị không cung cấp được dữ liệu đọc đồng hồ đo sản lượng nước tiêu thụ của khách hàng và sổ sách kế toán tại thời điểm cô phần hóa, do đó Tổ kiểm toán không có cơ sở xác định phân lợi nhuận tăng lên phải nộp ngân sách nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp khi Công ty chuyển thể sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

(3) Về thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước: Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm 2.243 triệu đồng, do: Xác định lại chi phí dở dang cuối năm đồng thời phân bổ lại giá vốn tương ứng với doanh thu nước sạch đã hạch toán đến 31/12/2021; Loại trừ chi phúc lợi cho người lao động vượt 1 tháng tiền lương thực hiện theo quy định tại mục 2.30, khoản 2, Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính; loại trừ chi phí khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định tại tiết d, mục 2.6, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

(4) Về quản lý, sử dụng đất:

Đơn vị đang mượn sử dụng 03 khu đất (Số 17 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận; Lô U cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh; Lô F cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh), các khu đất này được sử dụng làm trạm thủy đài, trạm bơm nước; Tổng Công ty giao đơn vị vận hành trạm tăng áp để phục vụ cấp nước cho người dân, thuộc địa bàn quản lý mạng lưới bán lẻ nước của Công ty CP Cấp nước Gia Định (*Chi tiết tại Phụ lục 07/HSKT-KTNN*).

(4) Về phân phối lợi nhuận có liên quan đến phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Người đại diện vốn của Tổng công ty tại công ty đã trình Hội đồng thành viên Tổng công ty phương án phân phối lợi nhuận và được chấp thuận trước khi tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông công ty. Tuy nhiên, công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (sau khi trừ phần phân phối lợi nhuận năm 2021 được chia theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông họp năm 2022) là 18.720 triệu đồng. Đến thời điểm kiểm toán, chưa có văn bản chính thức của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc chấp thuận phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giữ lại của công ty. Việc giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền lớn mà không chia cổ tức về Tổng công ty làm vốn nhà nước bị chiếm dụng, ảnh hưởng hiệu quả sử dụng vốn nhà nước và tiềm ẩn rủi ro mất vốn nhà nước trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu hoặc những tình huống phát sinh khác trong tương lai (nội dung này đã kiến nghị Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV tổ chức thực hiện).

### 3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả

Năm 2021, các tỷ suất sinh lời của Công ty có tăng hơn so với năm 2020. Công ty đảm bảo khả năng thanh toán hiện hành, bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

## II. KIẾN NGHỊ

1. Điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2021 theo ý kiến kết luận và kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

2. Nộp ngân sách nhà nước số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm do Kiểm toán nhà nước xác định 2.242.908.055 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 02, 02a/HSKT-KTNN*).

3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán

(1) Thực hiện đối chiếu xác nhận đầy đủ các khoản nợ phải thu, nợ phải trả thời điểm cuối năm khi lập Báo cáo tài chính.

(2) Phối hợp với Công ty Mẹ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV có phương án và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định về việc Tổng công ty đang giao cho Công ty mượn sử dụng các mặt bằng nhà đất.

(3) Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, hạn chế trong quản lý tài chính, chi phí, giá vốn, đất đai.

(4) Rà soát, phân bổ lại giá vốn kinh doanh nước sạch tương ứng với doanh thu đã ghi nhận đến thời điểm cổ phần hóa, xác định lợi nhuận tăng lên phải nộp Ngân sách nhà nước khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.


Đề nghị Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định chỉ đạo đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực IV, địa chỉ 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM trước ngày 30/6/2023. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 04 trang, từ trang 01 đến trang 04 và các Phụ lục số 01, 02, 02a, 05, 06, 07/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCT Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN khu vực IV;
- Lưu: VT, ĐKT.

**KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



**Trần Khánh Hòa**

**HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN  
CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ "Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2021 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 775/KTNN-TH ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và theo Công văn số 1688/KV IV - TH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV gửi Kho bạc nhà nước TP Hồ Chí Minh", đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN.

**KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**  
**Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế		Thu khác
				TNDN	Tiền thuê đất, thuế nhà đất	
A	B	C	1	3	6	15
1	Công ty CP Cấp nước Gia Định	0304789925	2.242.908.055	2.242.908.055		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.242.908.055</b>	<b>2.242.908.055</b>	-	-

## THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị/Chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0304806225	2.242.908.055	Thuế TNDN phải nộp tăng: do xác định lại chi phí dở dang cuối năm và phân bổ lại giá vốn tương ứng với doanh thu nước sạch đã hạch toán; do giảm trừ chi phí tính thuế đối với các khoản chi phí phúc lợi vượt 1 tháng tiền lương thực hiện và chi thù lao cho thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành kinh doanh	

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2021**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
B	C	I	2	3 = 2 - 1
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>107.624.262.280</b>	<b>116.327.147.818</b>	<b>8.702.885.538</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>54.541.717.785</b>	<b>54.541.717.785</b>	
1. Tiền	111	29.541.717.785	29.541.717.785	
2. Các khoản tương đương tiền	112	25.000.000.000	25.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8.000.000.000	8.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>20.718.550.220</b>	<b>20.718.550.220</b>	
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	18.639.241.435	18.639.241.435	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.453.341.761	2.453.341.761	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.766.971.367	2.766.971.367	
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	3.141.004.343	3.141.004.343	
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>21.280.465.307</b>	<b>29.983.350.845</b>	<b>8.702.885.538</b>
1. Hàng tồn kho	141	21.280.465.307	29.983.350.845	8.702.885.538
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>3.083.528.968</b>	<b>3.083.528.968</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.083.528.968	3.083.528.968	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>158.096.866.880</b>	<b>158.096.866.880</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>1.504.232.821</b>	<b>1.504.232.821</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
4. Trả trước cho người bán dài hạn	214			
6. Phải thu dài hạn khác	216	1.504.232.821	1.504.232.821	
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>131.916.684.846</b>	<b>131.916.684.846</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	129.043.119.862	129.043.119.862	
- Nguyên giá	222	487.520.565.011	487.520.565.011	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	358.477.445.149	358.477.445.149	
2. Tài sản cố định vô hình	227	2.873.564.984	2.873.564.984	
- Nguyên giá	228	9.420.677.024	9.420.677.024	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	6.547.112.040	6.547.112.040	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
1. Nguyên giá	231			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>20.265.799.316</b>	<b>20.265.799.316</b>	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		0	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	20.265.799.316	20.265.799.316	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			



<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>4.410.149.897</b>	<b>4.410.149.897</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.410.149.897	4.410.149.897	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>265.721.129.160</b>	<b>274.424.014.698</b>	<b>8.702.885.538</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>94.802.404.363</b>	<b>97.045.312.418</b>	<b>2.242.908.055</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>75.766.799.019</b>	<b>78.009.707.074</b>	<b>2.242.908.055</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	46.236.925.981	46.236.925.981	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.548.359.838	2.548.359.838	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	6.379.348.272	8.622.256.327	2.242.908.055
4. Phải trả người lao động	314	10.490.859.198	10.490.859.198	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	318	38.299.311	38.299.311	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	3.531.973.575	3.531.973.575	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.942.664.272	4.942.664.272	
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	1.598.368.572	1.598.368.572	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>19.035.605.344</b>	<b>19.035.605.344</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	740.508.117	740.508.117	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.295.097.227	18.295.097.227	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>170.918.724.797</b>	<b>177.378.702.280</b>	<b>6.459.977.483</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>170.918.724.797</b>	<b>177.378.702.280</b>	<b>6.459.977.483</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	95.000.000.000	95.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
4. Cổ phiếu quỹ	415			
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	38.471.193.102	38.471.193.102	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	37.447.531.695	43.907.509.178	6.459.977.483
- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		18.720.235.546	18.720.235.546	
- LNST chưa phân phối năm nay		18.727.296.149	25.187.273.632	6.459.977.483
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>265.721.129.160</b>	<b>274.424.014.698</b>	<b>8.702.885.538</b>

\* Nguyên nhân chênh lệch:

**TÀI SẢN TĂNG** 8.702.885.538 đồng

**1. Hàng tồn kho tăng** 8.702.885.538 đồng

Do xác định lại chi phí dở dang cuối năm và phân bổ lại giá vốn tương ứng với doanh thu nước sạch đã hạch toán đến 31/12/2021

**NGUỒN VỐN TĂNG** 8.702.885.538 đồng

**1. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng** 2.242.908.055 đồng

Do tăng thuế TNDN còn phải nộp theo kết quả kiểm toán

**7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng** 6.459.977.483 đồng

Do kết quả kiểm toán

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	561.365.944.101	561.365.944.101	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.444.166.200	3.444.166.200	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	557.921.777.901	557.921.777.901	
4. Giá vốn hàng bán	11	363.694.105.832	370.031.408.938	3.684.429.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	194.227.672.069	190.543.242.407	(3.684.429.662)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.283.342.830	1.696.137.993	
7. Chi phí tài chính	22	1.759.069.341	2.456.200.922	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	101.144.715.354	123.003.243.614	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	68.781.390.769	58.540.518.863	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 24 - 22 - 25 - 26)	30	23.825.839.435	20.141.409.773	(3.684.429.662)
12. Thu nhập khác	31	983.832.263	13.371.147.463	12.387.315.200
13. Chi phí khác	32	1.784.435.468	1.784.435.468	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(800.603.205)	11.586.711.995	12.387.315.200
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40 + 41)	50	23.025.236.230	31.728.121.768	8.702.885.538
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.297.940.081	6.540.848.136	2.242.908.055
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	18.727.296.149	25.187.273.632	6.459.977.483

### Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

<b>1. Giá vốn hàng bán giảm:</b>	<b>3.684.429.662</b>	<b>đồng</b>
Do xác định lại chi phí dở dang cuối năm và phân bổ lại giá vốn tương ứng với doanh thu nước sạch đã hạch toán năm 2021		
<b>2. Thu nhập khác</b>	<b>12.387.315.200</b>	<b>đồng</b>
Do tăng lợi nhuận kế toán trước thuế của những năm trước do đơn vị sai sót trong hạch toán giá vốn không tương ứng với doanh thu nước sạch		
<b>3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng do thay đổi giá vốn theo kết quả kiểm toán</b>	<b>8.702.885.538</b>	<b>đồng</b>
<b>3. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do chi phí thay đổi theo kết quả kiểm toán</b>	<b>2.242.908.055</b>	<b>đồng</b>
- Do thay đổi giá vốn theo kết quả kiểm toán.	1.575.320.877	đồng
- Do giảm trừ chi phí tính thuế TNDN đối với các khoản chi phí phúc lợi vượt 1 tháng tiền lương thực hiện theo quy định tại tiết 2.30 Điều 2 Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 số tiền 3.130.096.112 đồng	566.582.857	đồng
- Do giảm trừ chi phí tính thuế TNDN khoản chi phí thù lao cho thành viên hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh số tiền 558.000.000 đ	101.004.321	đồng
<b>4. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán</b>	<b>6.459.977.483</b>	<b>đồng</b>

### III. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2021

#### 1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		-	
	Thuế thu nhập cá nhân		-	
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu khác</b>		-	

#### 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>2.099.519.203</b>	<b>4.342.427.258</b>	<b>2.242.908.055</b>
1	Thuế Giá trị gia tăng	534.128.598	534.128.598	
2	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		-	
3	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.485.304.107	3.728.212.162	2.242.908.055
4	Thuế Thu nhập cá nhân	80.086.498	80.086.498	
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		-	
6	Các loại thuế khác		-	
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>4.279.829.069</b>	<b>4.279.829.069</b>	<b>-</b>
1	Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại		-	
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>6.379.348.272</b>	<b>8.622.256.327</b>	<b>2.242.908.055</b>

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

- |   |   |               |      |
|---|---|---------------|------|
| 1 | Thuế TNDN phải nộp tăng                   | 2.242.908.055 | đồng |
| - | Do tăng thuế TNDN theo kết quả kiểm toán. |               |      |

1  
/  
/

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH CHI PHÍ DỠ DANG NƯỚC SẠCH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021 VÀ ĐIỀU CHỈNH GIÁ VỐN SAI SÓT LŨY KẾ QUА CÁC NIÊN ĐỘ CỦA CÔNG TY CP CẤP NƯỚC GIA ĐÌNH

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị/chi tiêu	Sản lượng dở dang nước sạch tại thời điểm 31/12/2020 (m3)		Đơn giá bình quân năm 2020 cho sản lượng sản xuất+mua vào	Chi phí dở dang tại ngày 31/12/2020	Sản lượng dở dang nước sạch tại thời điểm 31/12/2021 (m3)		Đơn giá bình quân năm 2021 cho sản lượng sản xuất+mua vào	Chi phí dở dang tại ngày 31/12/2021	Giá vốn năm 2021 điều chỉnh tăng/giảm	Giá vốn lũy kế những niên độ trước điều chỉnh giảm do sai sót trong hạch toán	Thuyết minh nguyên nhân
		Theo báo cáo	Đơn vị xác định lại theo phương pháp của KTNN			Theo báo cáo	Kiểm toán xác định					
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9	10=8x9	10=6-10	11=6	12
1	Công ty Cp Cấp nước Gia Đình		2.135.744	5800	12.387.315.200		1.472.243	5.911,31	8.702.885.538	3.684.429.662	(12.387.315.200)	Đơn vị xác định giá vốn không tương ứng với doanh thu từ nhiều năm nay, dẫn đến xác định thiếu chi phí dở dang nước sạch tiêu thụ trên sổ sách kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Cụ thể năm 2021: đơn vị chốt chỉ số đồng hồ nước của khách hàng kỳ 12/2021 trước ngày 20/12/2021 sẽ được hạch toán doanh thu kỳ 12/2021, nếu chốt chỉ số đồng hồ nước sau ngày 20/12/2021 thì toàn bộ sản lượng nước tiêu thụ thực tế của các khách hàng đã sử dụng nước sạch trước ngày 20/12/2021 sẽ được hạch toán doanh thu tháng 1+2/2022. Tuy nhiên, toàn bộ giá thành liên quan đến sản lượng nước đã tiêu thụ thực tế trong năm 2021 tính đến ngày 20/12/2021 đã được hạch toán giá vốn trong
	Tổng cộng				12.387.315.200				8.702.885.538	3.684.429.662	(12.387.315.200)	

TOÁN ĐỐC VỰC

**DANH SÁCH CÁC ĐỊA CHỈ NHÀ, ĐẤT CỦA TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN ĐANG TẠM CHO  
CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH SỬ DỤNG**

(Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021)

STT	Tên Doanh nghiệp Địa chỉ nhà, đất báo cáo	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng hiện nay	Tình hình sử dụng đất hiện nay	Thời điểm tạm sử dụng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công ty CPCN Gia Định</b>						
1	Số 17 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận	852	Đã nộp hồ sơ Sở Tài nguyên Môi trường	Thủy đài M	Thủy đài. Điểm tập kết vật tư, tu bổ, sửa chữa.	01/02/2007	Tổng công ty giao cho Công ty vận hành, quản lý phục vụ mạng lưới cấp nước cho người dân
2	Lô U cư xá Thanh Đà, phường 27, quận Bình Thạnh	456,8	Đã nộp hồ sơ Sở Tài nguyên Môi trường	Trạm bơm	Trạm bơm tăng áp	Tháng 02/2007	Tổng Công ty giao đơn vị vận hành trạm tăng áp để phục vụ cấp nước cho người dân
3	Lô F cư xá Thanh Đà, phường 27, quận Bình Thạnh	375	Đã nộp hồ sơ Sở Tài nguyên Môi trường	Trạm bơm	Trạm bơm tăng áp	Tháng 02/2007	Tổng Công ty giao đơn vị vận hành trạm tăng áp để phục vụ cấp nước cho người dân